

**CHƯƠNG TRÌNH**

**đảm bảo an sinh xã hội tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021 - 2025**

-----

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025, Chương trình hành động số 02-CTr/TU, ngày 09/12/2020 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xây dựng Chương trình đảm bảo an sinh xã hội tỉnh giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

**Phần thứ nhất**

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN AN SINH XÃ HỘI  
GIAI ĐOẠN 2016-2020**

**I. THỰC TRẠNG ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2016-2020**

Thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW, ngày 01/6/2012 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020; Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 22/11/2012 của Bộ Chính trị khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế giai đoạn 2012-2020; cùng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị tỉnh; giai đoạn 2016-2020, các chính sách xã hội của tỉnh có bước tiến bộ, đạt nhiều kết quả tích cực, hệ thống chính sách an sinh xã hội cơ bản đồng bộ, toàn diện, bảo đảm quyền an sinh xã hội của người dân; đời sống vật chất, tinh thần của người dân được cải thiện, thu nhập của người lao động từng bước được nâng lên; các chế độ, chính sách đối với người có công với cách mạng luôn được quan tâm thực hiện tốt; người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn, đối tượng yếu thế trong xã hội được trợ giúp thường xuyên, kịp thời; chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế ngày càng mở rộng; hệ thống dịch vụ xã hội được cải thiện; các chỉ tiêu cơ bản về thu nhập, nhà ở, y tế, nước sạch, vệ sinh môi trường, thông tin liên lạc và các phương tiện sinh hoạt phục vụ đời sống người dân hằng năm đều tăng lên. Kết quả cụ thể:

**1. Về chính sách đối với người có công**

Giai đoạn 2016-2020, giải quyết cho 6.197 đối tượng hưởng trợ cấp một lần, 2.358 đối tượng hưởng trợ cấp hàng tháng; mức trợ cấp năm 2020 tăng 23,1% so với năm 2015; hỗ trợ xây mới, sửa chữa được 6.674 căn nhà cho người có công với tổng kinh phí là 211.888 triệu đồng; tổ chức rà soát, xác nhận hồ sơ tồn đọng về liệt sĩ,

thương binh và người tham gia hoạt động kháng chiến bị mất giấy tờ; tổ chức tốt các hoạt động tri ân, thăm hỏi tặng quà tới các gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng nhân dịp 27/7, Tết Nguyên đán; huy động Quỹ Đền ơn đáp nghĩa được 7,831 tỷ đồng hỗ trợ cho các gia đình chính sách gặp khó khăn; 100% Mẹ Việt Nam anh hùng (còn sống) được các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh nhận phụng dưỡng; 100% xã, phường, thị trấn làm tốt công tác thương binh, liệt sĩ; quan tâm sửa chữa, tu bổ, cải tạo đền, đài tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ và cơ sở điều dưỡng người có công với cách mạng với tổng kinh phí 59,6 tỷ (ngân sách Trung ương); thực hiện tốt công tác điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe người có công với cách mạng, 100% người có công được cấp và hưởng chế độ bảo hiểm y tế; thành lập, đưa Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh đi vào hoạt động.

## **2. Về giảm nghèo, bảo trợ xã hội**

Triển khai có hiệu quả Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo, tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 7,19% (tương ứng với 40.348 hộ) năm 2016 xuống còn 1,36% (tương ứng với 8.858 hộ) năm 2020, trung bình mỗi năm giảm 1,17% tỷ lệ hộ nghèo. 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo được thụ hưởng chính sách kịp thời và được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như: y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, thông tin và các nguồn vốn vay kịp thời; hỗ trợ sửa chữa, xây mới, nâng cấp nhà ở cho 469 hộ nghèo với tổng kinh phí 2.345 triệu đồng; hỗ trợ vay vốn cho 24.201 hộ nghèo với tổng số tiền 994,456 triệu đồng, 22.720 hộ cận nghèo với tổng số tiền 993,133 triệu đồng.

Tổ chức thực hiện tốt việc chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi hàng năm; 100% người cao tuổi từ đủ 80 tuổi trở lên không hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng; thực hiện trợ cấp khó khăn đột xuất với tổng kinh phí khoảng 200 tỷ đồng.

## **3. Chính sách lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp**

Bình quân mỗi năm giải quyết việc làm mới cho 35.000 lao động, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài được trên 4.500 người; cơ cấu lao động có sự chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ lệ lao động trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng. Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động, xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp được quan tâm thực hiện thường xuyên. Tăng cường quản lý nhà nước về an toàn vệ sinh lao động, quản lý lao động là người nước ngoài và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.

Công tác quản lý, phát triển hệ thống giáo dục nghề nghiệp từng bước được đổi mới; triển khai Đề án “Nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020”, số lượng và chất lượng nguồn nhân lực dần được cải thiện, tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ tăng từ 18,8% năm 2015 lên 24% năm 2020. Giai đoạn 2016-2020 tuyển sinh giáo dục nghề nghiệp được 182.501 người (trình độ cao đẳng 11.626 người, trung cấp 18.652 người, sơ cấp 55.959 người, đào tạo thường xuyên dưới 3 tháng cho 96.264 người).

#### **4. Chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp**

Chính sách bảo hiểm xã hội tiếp tục phát triển và mở rộng, lực lượng lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc ngày càng tăng, năm 2020 số lao động tham gia bảo hiểm xã hội trên địa bàn toàn tỉnh là 390.606 người (tăng 152% so với năm 2015), đạt tỷ lệ 40,89% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia. Chính sách bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp được quan tâm thực hiện tốt.

#### **5. Trẻ em, bình đẳng giới và phòng, chống tệ nạn xã hội**

Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn xã, phường phù hợp với trẻ em đạt 74,8% (năm 2020); 100% trẻ em dưới 6 tuổi đều được cấp thẻ bảo hiểm y tế và khám chữa bệnh miễn phí; hoạt động của Quỹ bảo trợ trẻ em các cấp được đẩy mạnh thông qua vận động nguồn lực xã hội hóa để thực hiện các mục tiêu vì trẻ em.

Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ được quan tâm; tỷ lệ phụ nữ tham gia cấp ủy, chính quyền, tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp ngày càng tăng; lao động nữ được học nghề, tìm việc làm phù hợp, được chăm sóc sức khỏe... qua đó đã từng bước giảm dần khoảng cách giới, nâng cao vị thế, vai trò của phụ nữ trong gia đình và ngoài xã hội.

Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội từng bước được đổi mới: tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng cho 1.108 lượt người; tiếp nhận 461 lượt người cai nghiện bắt buộc, 2.029 lượt người cai nghiện tự nguyện; thực hiện hỗ trợ cai nghiện cho 312 học viên tự nguyện thuộc đối tượng gia đình chính sách; tích cực triển khai điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone.

#### **6. Bảo đảm một số dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân**

##### **6.1. Hỗ trợ cải thiện nhà ở**

Hỗ trợ làm nhà ở cho 6.674 hộ gia đình người có công với tổng kinh phí 178.938 triệu đồng từ nguồn kinh phí Trung ương. Hỗ trợ làm nhà ở cho 469 hộ nghèo với mức 5 triệu đồng/hộ; triển khai 03 dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp ở đô thị; hỗ trợ cho vay nhà ở xã hội 217 hộ với tổng số tiền 87,628 triệu đồng; từng bước hỗ trợ nhà ở cho người lao động tại các khu công nghiệp, hiện có 5 khu công nghiệp đã được phê duyệt quy hoạch khu dân cư phục vụ khu công nghiệp có bố trí diện tích xây dựng nhà ở cho công nhân, trong đó có 3 khu được giao đất, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và một số công trình nhà ở.

##### **6.2. Chăm sóc sức khỏe**

Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân có nhiều tiến bộ; cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật phục vụ khám chữa bệnh tiếp tục được đầu tư áp dụng; công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm được chú trọng; thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19; tỷ lệ người dân tham gia BHYT

tăng từ 78,5% lên 90,5%, tỷ lệ trạm y tế xã có bác sĩ làm việc tăng từ 76,6% lên 85,7%, số giường bệnh/1 vạn dân từ 25,5 giường tăng lên 31,2 giường.

## II. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

### 1. Hạn chế

- Chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở còn chậm, một số nghĩa trang liệt sĩ, đền, đài tưởng niệm các công trình ghi công liệt sĩ chưa được tu bổ, tôn tạo, nâng cấp, sửa chữa thường xuyên; cơ sở vật chất, hạ tầng, trang thiết bị các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng xuống cấp, lạc hậu.

- Chưa có nhiều chính sách đặc thù của địa phương đối với hộ nghèo, cận nghèo và đối tượng yếu thế; mức trợ cấp xã hội còn thấp, các mô hình cung cấp dịch vụ xã hội chưa được phát triển, trong đó có khu vực ngoài nhà nước.

- Chưa tích cực triển khai chính sách hỗ trợ nhà ở dành cho người có thu nhập thấp, nhà ở cho công nhân lao động trong các khu công nghiệp.

- Việc gắn kết giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp chưa hiệu quả; chương trình đào tạo chưa có nhiều đổi mới, điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy và học nghề chưa được đầu tư đúng mức, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội.

- Số người khi hết tuổi lao động được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội đạt thấp; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội chưa cao.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và triển khai các chính sách an sinh xã hội chưa hiệu quả; phần mềm quản lý đã được trang bị song chưa thường xuyên được nâng cấp, đổi mới, trong đó có việc tích hợp chính sách, giảm chồng chéo, trùng lặp; việc số hóa cơ sở dữ liệu hồ sơ, triển khai chi trả điện tử khó triển khai đồng bộ trên các địa phương cũng như các nhóm đối tượng.

- Việc nghiên cứu, đánh giá về chính sách an sinh xã hội chưa thường xuyên, chưa có nhiều đề xuất, sáng kiến trong thực hiện chính sách.

### 2. Nguyên nhân

- Sự quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội của một số cấp ủy, chính quyền, đoàn thể chưa thường xuyên, đầy đủ; công tác tham mưu, phối hợp chưa chặt chẽ, kịp thời; công tác kiểm tra, giám sát chưa thường xuyên.

- Một số chính sách ban hành còn chậm, thiếu đồng bộ, khó thực hiện. Công tác tuyên truyền, phổ biến, vận động nhân dân có nơi, có lúc chưa được quan tâm đúng mức.

- Nguồn lực tài chính đảm bảo an sinh xã hội còn hạn chế, việc đổi mới phân bổ nguồn lực, phân cấp cho các địa phương còn chậm, khả năng huy động ngân sách cho an sinh xã hội còn khó khăn.

- Nguồn nhân lực triển khai còn thiếu, chất lượng chưa đồng đều, chưa có sự đổi mới sáng tạo để thích ứng với sự thay đổi của xã hội; chưa phát huy được nguồn lực và hoạt động dịch vụ tư - công cho công tác an sinh trên địa bàn tỉnh.

- Một số chính sách, quy định được thay đổi; đối tượng thụ hưởng chính sách tăng; số lượng doanh nghiệp, dịch vụ, người lao động tăng nhanh, thời hạn giải quyết chính sách rút ngắn.

## **Phần thứ hai**

# **MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN AN SINH XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2021-2025**

## **I. MỤC TIÊU CHUNG**

Đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và an sinh xã hội bền vững; phát triển và hoàn thiện hệ thống an sinh xã hội đa tầng, linh hoạt, có khả năng chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau, có lộ trình tiến tới bao phủ toàn dân; tập trung cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần nhân dân, nhất là người có công với cách mạng, người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, người yếu thế; đảm bảo cho người dân tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản. Phát triển đồng bộ thị trường lao động, nâng cao chất lượng và sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực, tạo việc làm đầy đủ có thu nhập cao và ổn định cho người dân; giảm bất bình đẳng trong xã hội, tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ và trẻ em gái; đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tệ nạn xã hội.

## **II. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

**1.** Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng, phấn đấu đến năm 2025 cơ bản gia đình người có công có mức sống tối thiểu bằng hoặc cao hơn mức sống trung bình của dân cư trên địa bàn tỉnh; 100% xã, phường, thị trấn làm tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, thương binh, liệt sĩ.

**2.** Tiếp tục cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người nghèo, các đối tượng bảo trợ xã hội, phấn đấu giảm 4/5 số hộ nghèo trong vòng 5 năm theo chuẩn mới; mở rộng đối tượng thuộc diện được hưởng trợ giúp xã hội, nâng dần mức trợ cấp xã hội hàng tháng phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; đảm bảo các quyền cơ bản của trẻ em; thu hẹp khoảng cách giới; ngăn chặn, đẩy lùi các tệ nạn xã hội.

**3.** Đến năm 2025: Tỷ lệ lao động qua đào tạo được cấp chứng chỉ đạt 33%; tỷ lệ thất nghiệp ở mức dưới 3%, tỷ lệ thiếu việc làm còn 2%; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội phấn đấu đạt 55%, tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt 40%; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế so với dân số đạt 95%.

**4.** Cải thiện điều kiện nhà ở cho người nghèo, người có công với cách mạng, công nhân lao động và hộ đặc biệt khó khăn về nhà ở đảm bảo cho người dân có nhà ở an toàn, ổn định; nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe người dân, đặc biệt

là sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người nghèo, người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đồng bào dân tộc thiểu số và các đối tượng yếu thế trong xã hội.

### III. CÁC HOẠT ĐỘNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

#### 1. Thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công

- Triển khai thực hiện tốt Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; tập trung giải quyết những tồn đọng trong xác nhận, công nhận người có công. Đẩy mạnh phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, huy động nguồn lực trong xã hội để chăm lo, giúp đỡ người có công với cách mạng và gia đình;

- Thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng theo quy định; giải quyết dứt điểm những tồn đọng trong thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với người có công, phấn đấu hết năm 2023 hoàn thành việc hỗ trợ kinh phí xây mới, sửa chữa nhà ở đối với các hộ gia đình người có công khó khăn về nhà ở và hộ gia đình người có công đã sửa chữa, xây mới được phê duyệt.

- Có chính sách ưu đãi, hỗ trợ phù hợp đối với người có công và thân nhân trong phát triển sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, nhất là về y tế, giáo dục, đào tạo, hỗ trợ về nhà ở, đất ở, đất sản xuất kinh doanh.

- Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe người có công và thân nhân; đầu tư xây mới hoặc nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Điều dưỡng Người có công tỉnh nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu tiếp nhận, điều dưỡng, nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe cho người có công và thân nhân người có công.

- Căn cứ thực trạng các nghĩa trang liệt sĩ, đền, đài tưởng niệm các công trình ghi công liệt sĩ trên địa bàn tỉnh và nguồn ngân sách trung ương cấp hàng năm, cân đối ngân sách địa phương hỗ trợ thực hiện tu bổ, tôn tạo, nâng cấp, sửa chữa nghĩa trang liệt sĩ, đền, đài tưởng niệm các công trình ghi công liệt sĩ đã xuống cấp; đẩy mạnh việc tìm kiếm và quy tập hài cốt liệt sĩ.

#### 2. Về bảo đảm an sinh xã hội

##### 2.1. Chính sách giảm nghèo

- Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, các chương trình, dự án khác về giảm nghèo. Đẩy mạnh thực hiện giảm nghèo bền vững; xác định mục tiêu giảm nghèo từng năm, từng giai đoạn cụ thể gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; huy động các nguồn lực của xã hội để giảm nghèo, ưu tiên đầu tư nguồn lực cho các địa phương có tỷ lệ hộ nghèo cao, góp phần hoàn thành mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo giai đoạn 2021-2025.

- Đổi mới cơ chế, chính sách để hỗ trợ người nghèo phát triển kinh tế vươn lên thoát nghèo, tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo về tư vấn định hướng nghề nghiệp, đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, nhà ở, y tế, về vốn, thị trường

tiêu thụ sản phẩm, nước sạch, vệ sinh môi trường, tiếp cận thông tin, đảm bảo người nghèo được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Tổ chức thực hiện tốt việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 làm cơ sở xây dựng kế hoạch, giải pháp giảm nghèo, thực hiện các chính sách giảm nghèo và an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

## **2.2. Chính sách bảo trợ xã hội**

- Xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội tỉnh giai đoạn 2021-2030 khi có quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội toàn quốc.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án trợ giúp xã hội giai đoạn 2021-2025, giai đoạn 2021-2030; nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp xã hội, thực hiện tốt các chính sách trợ giúp xã hội cho các đối tượng; đẩy mạnh phát triển nghề công tác xã hội, đáp ứng tốt hơn nhu cầu tư vấn, trợ giúp xã hội ngoài cộng đồng.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác hỗ trợ đột xuất, bảo đảm người dân bị thiệt hại khi gặp rủi ro, thiên tai, dịch bệnh... được hỗ trợ kịp thời. Nâng cao hiệu quả hoạt động trợ giúp đột xuất; mở rộng sự tham gia hỗ trợ của cộng đồng.

- Ban hành chính sách đặc thù của tỉnh đối với đối tượng bảo trợ xã hội ngoài cộng đồng và trong các cơ sở trợ giúp xã hội, trong đó quan tâm đến đối tượng người cao tuổi từ 77 tuổi trở lên không hưởng lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội.

## **2.3. Về giáo dục nghề nghiệp**

- Triển khai các cơ chế, chính sách phát triển giáo dục nghề nghiệp, đẩy mạnh hợp tác 3 bên giữa Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp trong giáo dục nghề nghiệp, gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động và việc làm bền vững.

- Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý các cấp về giáo dục nghề nghiệp. Chuyển đổi số và đào tạo trực tuyến, chú trọng đào tạo lại và đào tạo thường xuyên lực lượng lao động, bảo đảm người học thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc kết nối cung - cầu để nâng cao hiệu quả đào tạo và sử dụng lao động.

- Đẩy mạnh hướng nghiệp, phân luồng học sinh trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp. Nâng cao chất lượng hoạt động dự báo ngắn hạn, trung hạn và dài hạn về nhu cầu nguồn nhân lực, nhu cầu việc làm và nhu cầu đào tạo theo lĩnh vực, ngành nghề, cấp trình độ đào tạo.

- Tiếp tục rà soát, sắp xếp các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Khuyến khích thành lập mới cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục, cơ sở giáo dục nghề nghiệp của doanh nghiệp và có vốn đầu tư

nước ngoài. Tập trung nguồn lực đầu tư một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, ngành, nghề trọng điểm đã được quy hoạch theo các cấp độ, phân đầu đến năm 2025 Trường Cao đẳng nghề Hải Dương được kiểm định, đánh giá, công nhận đạt tiêu chí của trường chất lượng cao.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu xây dựng Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030”.

#### **2.4. Về lao động, việc làm**

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn triển khai việc thực hiện Pháp luật lao động; chăm lo, cải thiện điều kiện làm việc, môi trường làm việc, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định, tiến bộ trong doanh nghiệp.

- Phát triển thị trường lao động, gắn kết cung - cầu lao động, tạo việc làm ổn định, có thu nhập bảo đảm cuộc sống cho người lao động, nhất là người lao động thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, người khuyết tật; tiếp tục phát huy hiệu quả từ Quỹ Quốc gia giải quyết việc làm.

- Tăng cường công tác quản lý người lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; quản lý, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp đưa người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài, cho thuê lại lao động, hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn tỉnh.

- Truyền thông, thông tin thị trường lao động, phát triển hệ thống thông tin thị trường lao động; nâng cao năng lực hoạt động tư vấn, giới thiệu việc làm, tổ chức sàn giao dịch việc làm; cung ứng, thu thập, phân tích, dự báo thông tin thị trường lao động đảm bảo chính xác.

- Xây dựng và triển khai Chương trình An toàn, vệ sinh lao động tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021-2025, Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030 và đảm bảo việc làm bền vững của người lao động trên địa bàn tỉnh; triển khai các Chương trình, dự án thuộc Chương trình Việc làm - An toàn lao động trên địa bàn tỉnh; nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động.

#### **2.5. Chính sách bảo hiểm xã hội**

- Đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 23/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội.

- Tiếp tục hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế thuộc các đối tượng đang được tỉnh hỗ trợ; căn cứ tình hình ngân sách hàng năm, hỗ trợ tham gia bảo hiểm y tế đối với đối tượng khác.



- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động bệnh nghề nghiệp.

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp. Mở rộng đối tượng thực hiện các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thực hiện tốt việc lập sổ y bạ điện tử cho toàn dân. Tổ chức tuyên truyền, vận động các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội theo lộ trình quy định, trong đó chú trọng đối tượng thuộc diện tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc; tăng cường tuyên truyền về bảo hiểm xã hội tự nguyện.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, gắn với cải cách hành chính, triển khai hiệu quả hệ thống tương tác đa phương tiện giữa người dân và doanh nghiệp về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

## ***2.6. Công tác trẻ em, bình đẳng giới, phòng chống tệ nạn xã hội***

- Xây dựng và triển khai thực có hiệu quả các kế hoạch về bảo vệ, chăm sóc trẻ em, bình đẳng giới và phòng, chống tệ nạn xã hội giai đoạn 2021-2025; đẩy mạnh truyền thông, nâng cao nhận thức của xã hội về công tác trẻ em, bình đẳng giới và phòng, chống tệ nạn xã hội.

- Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng xã, phường, thị trấn phù hợp với trẻ em; củng cố cơ cấu tổ chức và nâng cao năng lực quản lý nhà nước về công tác trẻ em; phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em; đảm bảo điều kiện để trẻ em phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức, thực hiện các quyền cơ bản của trẻ em.

- Thực hiện các chính sách thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới; duy trì, nhân rộng và phát triển các mô hình thí điểm thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ.

- Đổi mới công tác cai nghiện ma túy, thực hiện quy hoạch mạng lưới cơ sở cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh; đẩy mạnh xã hội hóa công tác cai nghiện ma túy, coi trọng công tác cai nghiện tập trung và quản lý, can thiệp sớm đối với người sử dụng ma túy. Tăng cường công tác dạy nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người sau cai nghiện ma túy tại cơ sở cai nghiện ma túy và cộng đồng.

## ***2.7. Bảo đảm một số dịch vụ xã hội cơ bản cho người dân***

- *Cải thiện nhà ở*

Tiếp tục thực hiện tốt chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo; từng bước đảm bảo nhu cầu về nhà ở cho công nhân lao động tại các khu công nghiệp, học sinh,

sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đổi mới cơ chế hỗ trợ nhà ở cho người thu nhập thấp ở đô thị.

Thực hiện quy hoạch, phát triển các khu công nghiệp gắn với quy hoạch chung đô thị, trong đó hình thành hệ thống các khu dân cư, dịch vụ phục vụ khu công nghiệp, dành tỷ lệ đất phù hợp để xây dựng nhà ở, công trình xã hội, văn hóa, thể thao cho người lao động; có chính sách ưu đãi doanh nghiệp xây dựng nhà ở xã hội tại đô thị, khu công nghiệp, đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững và thu hút đầu tư của tỉnh.

#### - Chăm sóc sức khỏe

Thực hiện chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế toàn dân; nâng cao chất lượng dân số, chất lượng y tế cơ sở và y tế dự phòng; thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ về y tế, cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với người có công, người nghèo, trẻ em, các đối tượng yếu thế trong xã hội. Phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc, trợ giúp xã hội tại cộng đồng.

Đảm bảo về nước sạch, vệ sinh môi trường và nâng cao chất lượng thông tin, truyền thông, trong đó chú trọng, quan tâm đến địa bàn còn khó khăn.

### **3. Một số nhiệm vụ trọng tâm triển khai trong giai đoạn 2021-2025**

- Xây dựng và triển khai Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu xây dựng Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030”.

- Xây dựng và triển khai Dự án “Xây dựng công trình Đền Liệt sĩ tỉnh Hải Dương”.

- Xây dựng và triển khai Dự án “Xây dựng, phát triển Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương thành Cơ sở trợ giúp xã hội tổng hợp”.

- Xây dựng và triển khai Dự án “Xây dựng, nâng cấp, sửa chữa cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng”.

- Tiếp tục ổn định ngân sách để thực hiện tăng thêm các chính ưu đãi đối với người có công với cách mạng và đảm bảo an sinh xã hội của tỉnh.

## **IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Giải pháp về nâng cao hiệu quả, năng lực quản lý**

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền các cấp, sự tham gia tích cực của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội; sự tham gia của nhân dân trong việc triển khai thực hiện chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao hiệu quả công tác phối hợp giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể; phát huy tính chủ động của các địa phương, các tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư trong tổ chức thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

- Phát huy vai trò quản lý nhà nước về lao động, việc làm, an sinh xã hội, đảm bảo triển khai đồng bộ, hiệu quả các chính sách xã hội từ tỉnh đến cơ sở. Tăng cường giám sát tiêu chuẩn, chất lượng cung cấp dịch vụ xã hội, tạo điều kiện cho khu vực ngoài nhà nước cùng tham gia cung cấp dịch vụ xã hội.

- Bồi dưỡng, bố trí, sắp xếp bộ máy cán bộ làm công tác chuyên môn từ tỉnh đến cơ sở nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đảm bảo an sinh xã hội bền vững.

- Tăng cường hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện chính sách an sinh xã hội nhằm phát hiện, xử lý kịp thời sai phạm; tổng kết, đánh giá, phát hiện những nhân tố điển hình để kịp thời biểu dương, khen thưởng.

## **2. Giải pháp về tuyên truyền, ứng dụng công nghệ thông tin**

- Coi trọng công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về các chính sách an sinh xã hội đến các tầng lớp nhân dân để triển khai một cách đồng bộ, hiệu quả.

- Đổi mới các hoạt động truyền thông, ứng dụng công nghệ thông tin để truyền thông một cách sâu rộng, hiệu quả, hướng đến mục tiêu thay đổi nhận thức, tầm nhìn về an sinh xã hội.

- Đẩy mạnh công tác rà soát và tích hợp chính sách, giảm chồng chéo, trùng lặp; chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa cơ sở dữ liệu. Cải cách quản lý tài chính để nâng cao hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở sử dụng khoa học, công nghệ, thanh toán điện tử và thống nhất triển khai trên nền tảng cơ sở dữ liệu tập trung.

## **3. Giải pháp về cơ chế, chính sách**

- Tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020, Kết luận số 92-KL/TW, ngày 05/11/2020 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5 khóa XI một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012-2020.

- Triển khai thực hiện đồng bộ, đầy đủ, hiệu quả các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án của Trung ương, của tỉnh về đảm bảo an sinh xã hội ngay sau khi được ban hành; xây dựng và triển khai các chương trình, dự án thí điểm về an sinh xã hội.

- Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chế độ, chính sách đối với người dân thuộc các nhóm đối tượng được nhà nước hỗ trợ đảm bảo quy định.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật quy định về chính sách an sinh xã hội của tỉnh đảm bảo quy định.

- Ban hành cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương cho các nhóm đối tượng phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhằm đạt mục tiêu hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội bền vững.

- Thực hiện tốt việc đánh giá chính sách và kết quả thực hiện chính sách an sinh xã hội để nghiên cứu, đề xuất xây dựng chính sách phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và xu hướng phát triển, hội nhập của đất nước.

#### **4. Giải pháp về kinh phí**

- Tiếp nhận và triển khai thực hiện có hiệu quả nguồn lực của Trung ương dành cho đảm bảo an sinh xã hội; đồng thời tăng cường xã hội hóa các nguồn lực thực hiện các chính sách an sinh xã hội.

- Tăng cường bố trí nguồn lực ngân sách địa phương ở các cấp để triển khai có hiệu quả các chương trình an sinh xã hội.

- Đổi mới việc phân bổ nguồn lực, phân cấp mạnh cho các địa phương và đề cao trách nhiệm của địa phương trong quản lý, sử dụng, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện.

- Tăng cường và bảo đảm nguồn lực đầu tư của tỉnh có trọng tâm, trọng điểm, ưu tiên đầu tư cho địa phương có tỷ lệ người dân tiếp cận dịch vụ xã hội còn thấp; đồng thời, huy động các nguồn lực khác trong xã hội để giải quyết các vấn đề xã hội, tập trung nguồn lực cho địa bàn khó khăn tạo ra sự công bằng trong thực hiện chính sách.

- Hoàn thiện các quy định về quản lý, sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân, bảo đảm minh bạch, hiệu quả.

### **Phần thứ ba**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1.** Các cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức quán triệt và thực hiện nghiêm túc Chương trình; xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, đặc điểm tình hình của địa phương, đơn vị.

**2.** Ban Chỉ đạo Chương trình có trách nhiệm xây dựng và ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ cho các thành viên; tham mưu chỉ đạo thực hiện nội dung Chương trình; định kỳ tổ chức kiểm tra, đánh giá, sơ kết, rút kinh nghiệm kết quả thực hiện và báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo quy định.

**3.** Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo cụ thể hóa chủ trương của tỉnh thành các cơ chế, chính sách cụ thể nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế và an sinh xã hội bền vững.

**4.** Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành tham mưu xây dựng kế hoạch, các đề án triển khai thực hiện Chương trình, sơ kết, tổng kết, định kỳ báo cáo Ban Chỉ đạo,

Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch triển khai đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng kế hoạch triển khai, hướng dẫn, giám sát, tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt chủ trương, chính sách về an sinh xã hội.

6. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo, hướng dẫn tuyên truyền các nội dung Chương trình đảm bảo an sinh xã hội trong toàn Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh.

7. Các ban xây dựng Đảng Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc việc thực hiện chương trình, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Nơi nhận

- Ban Bí thư TW Đảng,
- Văn phòng TW Đảng,
- BCS đảng Bộ LĐ, TBXH,
- Các ban xây dựng Đảng, VPTU,
- BCS đảng, đảng đoàn,
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh,
- Các huyện, thành ủy, ĐU trực thuộc TU,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN CHẤP HÀNH  
BÍ THƯ**

**Phạm Xuân Thăng**

**Phụ lục**  
**DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN CHỦ YẾU**  
**Thực hiện Chương trình đảm bảo an sinh xã hội tỉnh Hải Dương, giai đoạn 2021-2025**  
*(Kèm theo Chương trình số 20 -CTr/TU, ngày 19/8/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh)*

-----

STT	Nội dung công việc	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Cơ quan quyết định	Thời gian ban hành	Dự kiến nguồn kinh phí
<b>I</b>	<b>DANH MỤC ĐỀ ÁN</b>					
<b>1</b>	Đề án “Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu xây dựng Hải Dương trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại vào năm 2030”	Sở Lao động, Thương binh và xã hội	Các sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, BQL các KCN, Giáo dục và Đào tạo, Thông tin- Truyền thông, LĐLĐ, Tỉnh đoàn, UBND các huyện, thị xã, thành phố	- UBND tỉnh - Bộ LĐTBXH	Năm 2021	Trung ương, địa phương và xã hội hoá
<b>II</b>	<b>DANH MỤC DỰ ÁN</b>					
<b>1</b>	Dự án “Xây dựng công trình Đền Liệt sĩ tỉnh Hải Dương”	Sở Lao động, Thương binh và xã hội	Các sở, ngành: Tài chính, Xây dựng, Ủy ban MTTQ tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	- UBND tỉnh - Bộ LĐTBXH	Năm 2022	Trung ương, địa phương và xã hội hoá
<b>2</b>	Dự án “Xây dựng, phát triển Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Hải Dương thành Cơ sở trợ giúp xã hội tổng hợp”	Sở Lao động, Thương binh và xã hội	Các sở, ngành: Kế hoạch và đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên môi trường, UBMTTQ tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố	UBND tỉnh	Năm 2022	Địa phương và xã hội hoá

3	Dự án “Xây dựng, nâng cấp, sửa chữa cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng”	Sở Lao động, Thương binh và xã hội	Các sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch - Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, UBND thành phố Chí Linh	- UBND tỉnh - Bộ LĐTBXH	Năm 2022	Trung ương và địa phương
---	---	------------------------------------	--	----------------------------	----------	--------------------------